TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông M Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cái Thị Duyên và ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Khánh Nhạc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị M, sinh năm 1976. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 12/74 đường DL, Tổ 3, phường Tp, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú hiện nay: Khối TT, phường QT, thị xã H M, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1976. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 12/74 đường DL, Tổ 3, phường Tp, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Hiện đang tạm trú: Đội 1, thôn 1, xã BH, huyện K , tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 20 tháng 5 năm 2020, lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lê Thị M trình bày: Bà và ông Đặng Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường P C (nay là phường GH), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 12 tháng 8 năm 2010. Quá trình chung sống với nhau tại khu tập thể đường sắt, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thì đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng và ngày càng trầm trọng nên hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chủ yếu là do kinh tế khó khăn. Mặc khác, do ông T ham chơi, tiêu tán tài sản chung của vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Ngọc T. Về

con chung: Bà Lê Thị M công nhận vợ chồng có 01 người con chung là Đặng Thị Thùy TR, sinh ngày 20/9/2011, hiện đang ở với bà M. Bà Lê Thị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Thùy TR và tự nguyện không yêu cầu ông Đặng Ngọc T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung: Bà Lê Thị M trình bày vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà Lê Thị M xác nhận vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2021 của bị đơn là ông Đặng Ngọc T trình bày: Về quan hệ hôn nhân và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là đúng như lời khai của bà Lê Thị M đã trình bày tại Tòa án. Nay bà M yêu cầu ly hôn thì ông cũng thống nhất về yêu cầu ly hôn của bà M. Về con chung, ông Đặng Ngọc T công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Đặng Thị Thùy TR, sinh ngày 20/9/2011. Ông T đề nghị Tòa án giao con cho bà Lê Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, bà M tự nguyện không yêu cầu nên ông không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, ông Đặng Ngọc T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, ông Đặng Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự nhưng phía bị đơn là ông Đặng Ngọc T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên không hòa giải được. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Các bên đương sự đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Về án phí ly hôn sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị M, bị đơn là ông Đặng Ngọc T đều vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân thì bà Lê Thị M và ông Đặng Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường PC (nay là phường GH), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 12 tháng 8 năm 2010 nên về quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà Lê Thị M và ông Đặng Ngọc T chung sống với nhau tại khu tập thể đường sắt, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế hạnh phúc được một thời gian đầu. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng nên hai người

đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do kinh tế gia đình khó khăn; Mặc khác do bất đồng quan điểm sống nên đã làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, sống với nhau không có hạnh phúc bà Lê Thị M mới làm đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2021 bị đơn cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh từ năm 2015, hiện tình cảm vợ chồng không còn nữa nên cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà M. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án về phía bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có đủ cơ sở để công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị M và ông Đặng Ngọc T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà Lê Thị M và ông Đặng Ngọc T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho bà Lê Thị M được ly hôn với ông Đặng Ngọc T.

Về con chung và việc nuôi con: Bà Lê Thị M và ông Đặng Ngọc T đều công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Đặng Thị Thùy TR, sinh ngày 20/9/2011. Hai bên đều thỏa thuận giao cháu Đặng Thị Thùy TR cho bà Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đặng Ngọc T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay cháu Đặng Thị Thùy TR đang ở với bà Lê Thị M, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu TR, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao con là Đặng Thị Thùy TR cho bà Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu TR.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị M và ông Đặng Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị M và ông Đặng Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị M đối với bị đơn là ông Đặng Ngọc T.

Xử: Bà Lê Thị M được ly hôn với ông Đặng Ngọc T.

2. Về con chung và việc nuôi con chung: Giao cho bà Lê Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Thùy TR, sinh ngày 20/9/2011 (hiện nay cháu Đặng Thị Thùy TR đang ở với bà Lê Thị M), ông Đặng Ngọc T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị M và ông Đặng Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị M và ông Đặng Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí mà bà Lê Thị M đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0001162 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, nay khỏi phải nộp nữa.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TT.Huế;*
- *VKSND tỉnh TT.Huế;*
- *VKSND thị xã Hương Thủy;*
- *Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;*
- *UBND phường Phú Cát (nay là phường Gia Hội) (ĐKKH ngày 12/8/2010)*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu dán án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

M Văn Phú